

## **MỘT SỐ Ý KIẾN GÓP Ý**

### **DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**

*Góp ý đối với Dự thảo (1) Nghị định về Đăng ký doanh nghiệp ngày 17/6/2024*

*Ls. Trần Thị Thanh Huyền*

*Luật sư Thành viên*

*Văn phòng Luật sư NHQuang & Cộng sự*

Đăng ký doanh nghiệp là hoạt động gia nhập thị trường của doanh nghiệp và cũng là hoạt động quan trọng xuyên suốt quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Hiện nay, việc đăng ký doanh nghiệp được thực hiện theo Nghị định 01/2021/NĐ-CP và đã có những tác động tích cực trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, thể chế rõ tinh thần cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp của Chính Phủ.

Tuy nhiên, qua quá trình triển khai thực hiện, bên cạnh những thuận lợi đạt được, doanh nghiệp vẫn còn gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện các thủ tục, quy định về đăng ký doanh nghiệp trên thực tế, tiêu biểu:

*(i) Doanh nghiệp gặp khó khăn khi đăng ký ngành, nghề kinh doanh không được quy định tại Hệ thống ngành nghề kinh tế Việt Nam hoặc pháp luật chuyên ngành (việc được chấp thuận hay không phụ thuộc nhiều vào quan điểm của cơ quan đăng ký kinh doanh từng địa phương). Thực tế, vướng mắc này đang là vấn đề “nhức nhối” cho doanh nghiệp, trong bối cảnh Luật Doanh nghiệp quy định: doanh nghiệp được tự do kinh doanh ngành, nghề mà Luật không cấm.*

*(ii) Một số thủ tục chưa quy định rõ về trình tự, hồ sơ thực hiện dẫn tới cơ quan đăng ký kinh doanh từng địa phương có quan điểm áp dụng khác nhau, gây lúng túng cho doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh khi thực hiện.*

*(iii) Một số quy định bị chồng chéo, gây lãng phí thời gian và nguồn lực của doanh nghiệp.*

Để giải quyết những khó khăn, vướng mắc nêu trên, đặc biệt là đối với vướng mắc - cùng một quy định nhưng có nhiều quan điểm, nhiều cách hiểu và áp dụng khác nhau, Nghị định về đăng ký doanh nghiệp cần quy định cụ thể, rõ ràng, tường minh hơn, giúp thuận tiện cho doanh nghiệp và cơ quan đăng ký kinh doanh trong quá trình thực hiện.

Ngoài ra, Nghị định về đăng ký doanh nghiệp cũng cần đồng bộ quy định hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp từ thủ tục, biểu mẫu thực hiện đến cơ chế liên thông giữa các cơ quan khi thực hiện thủ tục liên quan đến đăng ký doanh nghiệp để đảm bảo tính thống nhất, đơn giản hóa thủ tục hành chính, giúp việc thực hiện các thủ tục được thuận lợi.

Dưới đây là bảng tổng hợp chi tiết một số ý kiến đánh giá, góp ý đối với Dự thảo Nghị định về Đăng ký Kinh doanh.

## BẢNG TỔNG HỢP Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ, GÓP Ý DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
1	<b>Điều 7. Ghi ngành, nghề kinh doanh</b>	<b>Điều 7. Ghi ngành, nghề kinh doanh</b>	
		8. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều này.	<p>Dự thảo đã bổ sung quy định tại khoản 8 về việc ghi ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp (theo quy tắc ghi ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp).</p> <p><b>Nội dung bổ sung này là không cần thiết, có thể gây lúng túng cho doanh nghiệp trong quá trình thực hiện.</b> Điều 44 Luật Doanh nghiệp 2020 đã có quy định: <i>ngành, nghề kinh doanh của chi nhánh phải đúng với ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp và địa điểm kinh doanh là nơi doanh nghiệp tiến hành hoạt động kinh doanh cụ thể.</i> Do vậy, trên thực tế, các doanh nghiệp đang ghi nhận ngành nghề kinh doanh của chi nhánh, địa điểm kinh doanh đúng với ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp đã được cấp phép và không có bất kì vướng mắc gì. <b>Đề nghị bỏ nội dung bổ sung tại khoản 8 Điều 7.</b></p>
	5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng	Dự thảo không sửa đổi, bổ sung đối với điểm này.	<p>Quy định này đang <b>dẫn đến sự tùy nghi của các cơ quan Đăng ký Kinh doanh trong việc chấp thuận/không chấp thuận đối với các ngành nghề kinh doanh</b> không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác vì các lý do sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ quan Đăng ký Kinh doanh “<b>xem xét ghi nhận</b>” nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh</li> </ol>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	<p>ký doanh nghiệp nếu không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới.</p>		<p>doanh. Như vậy, thẩm quyền đang được quy định thuộc cơ quan Đăng ký Kinh doanh.</p> <p>2. Quy định này không rõ về quy trình thực hiện, liệu cơ quan đăng ký kinh doanh sẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ghi ngành, nghề vào cơ sở dữ liệu trước rồi doanh nghiệp mới được phép đăng ký kinh doanh; hay</li> <li>- Cho phép doanh nghiệp đăng ký kinh doanh ngành, nghề mới này trước rồi mới ghi nhận vào cơ sở dữ liệu.</li> </ul> <p>Trên thực tế, có doanh nghiệp đã bị cơ quan Đăng ký Kinh doanh hướng dẫn: tạm thời bỏ ngành nghề đăng ký ra khỏi hồ sơ đăng ký/thay đổi để cơ quan Đăng ký Kinh doanh ghi nhận vào Cơ sở dữ liệu Quốc gia, thông báo cho Bộ Kế hoạch Đầu tư, sau đó doanh nghiệp quay lại thực hiện việc bổ sung.</p> <p>Để đảm bảo tính minh bạch và quyền tự do kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp 2020, đề nghị sửa đổi quy định này như sau:</p> <p><i>“5. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác <b>nhưng không thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh</b> thì Cơ quan đăng ký kinh doanh <b>ghi nhận ngành, nghề kinh doanh này cho doanh nghiệp, cập nhật</b> vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời thông báo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để bổ sung ngành, nghề kinh doanh mới”.</i></p>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
2	<b>Điều 11. Giấy tờ pháp lý của cá nhân trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp</b>	<b>Điều 11. Kê khai thông tin cá nhân trong thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp</b>	
		3. Trường hợp không có số định danh cá nhân thì hồ sơ đăng ký doanh nghiệp có yêu cầu kê khai thông tin cá nhân của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải kèm theo bản sao chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc hộ chiếu nước ngoài hoặc các giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài còn hiệu lực của cá nhân đó theo quy định.	Với việc cung cấp bản sao hộ chiếu, <b>Nghị định cần xác định mục tiêu của việc cung cấp là để xác định thông tin cá nhân hay vừa xác định thông tin cá nhân, vừa xác định tính thống nhất của hộ chiếu.</b> Bởi trên thực tế, có cơ quan Đăng ký Kinh doanh chỉ yêu cầu nộp bản sao trang thông tin cá nhân trong hộ chiếu, có cơ quan Đăng ký Kinh doanh yêu cầu nộp toàn bộ các trang của hộ chiếu, có cơ quan Đăng ký Kinh doanh lại yêu cầu nộp tất cả các trang hộ chiếu có thông tin. Do vậy, <b>Nghị định cần xác định rõ mục tiêu như nêu trên để có quy định rõ ràng, tránh cách hiểu và áp dụng không thống nhất trên thực tế.</b>
3	<b>Điều 26. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</b>	<b>Điều 22. Hồ sơ đăng ký doanh nghiệp đối với các trường hợp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp</b>	
	1. đ) Văn bản của Cơ quan đăng ký đầu tư chấp thuận về việc góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp của	1. b) Bản sao thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà	Dự thảo <b>bỏ cụm từ “tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”.</b> Điểm sửa đổi này <b>chưa phù hợp với quy định tại Luật Đầu tư 2020</b> vì theo khoản 1 Điều 23 Luật Đầu tư

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	nhà đầu tư nước ngoài, <u>tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài</u> đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.	đầu tư nước ngoài đối với trường hợp phải thực hiện thủ tục đăng ký góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp theo quy định của Luật Đầu tư.	<p><b>2020</b> một số trường hợp tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài vẫn phải đáp ứng điều kiện và thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định đối với nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp.</p> <p>Do đó, <b>đề xuất giữ lại cụm “tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài”</b> tại điểm b khoản 1, điểm c khoản 2, điểm c khoản 3, điểm đ khoản 4 Điều 22 và các điều tương tự tại Dự thảo.</p>
4		<b>Điều 32. Tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b>	
		1. “Tạm ngừng kinh doanh” là tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp đang trong thời gian tạm ngừng kinh doanh theo quy định tại Nghị định này.	<b>Đề xuất sửa đổi thành “Tạm ngừng hoạt động”</b> vì văn phòng đại diện của doanh nghiệp không có chức năng kinh doanh. Ngoài ra, việc đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh là đăng ký hoạt động.
5	<b>Điều 60. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp</b>	<b>Điều 51. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp</b>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	<b>tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền</b>	<b>tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền</b>	
	1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo về việc bổ sung, cập nhật thông tin đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 3 Điều 176 Luật Doanh nghiệp.	1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là tổ chức nước ngoài và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ liên lạc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, <b>công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết</b> gửi thông báo đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định tại khoản 3 Điều 176 Luật Doanh nghiệp.	Việc quy định phải thông báo thông tin trong thời hạn <b>03 ngày</b> làm việc kể từ khi có thông tin hoặc thay đổi thông tin là quá ngắn để doanh nghiệp, cổ đông nước ngoài chuẩn bị tài liệu (hợp pháp hóa lãnh sự, dịch công chứng,...) liên quan đến việc thay đổi.  Do đó, đề xuất quy định thời hạn dài hơn <b><u>(10 ngày kể từ ngày có thông tin hoặc kể từ ngày thay đổi)</u></b> để thống nhất với thời hạn phải thực hiện thông báo của công ty TNHH hai thành viên trở lên theo quy định tại khoản 3, Điều 60 Nghị định 01/2021/NĐ-CP.
6	<b>Điều 62. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b>	<b>Điều 53. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b>	
	2. Khi thay đổi các nội dung đăng ký	4. Hồ sơ bao gồm giấy đề nghị đăng	Dự thảo Nghị định mới <b>chỉ yêu cầu doanh nghiệp nộp</b>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	<p>hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, kèm theo thông báo phải có bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>Khi nhận được Thông báo của doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh trao Giấy biên nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thay đổi thông tin đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp doanh nghiệp có nhu</p>	<p>ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p>	<p><b>“giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh”</b> khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh – được hiểu là đối với mọi thay đổi. Vậy, trường hợp doanh nghiệp <b>thay đổi người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được hiểu là doanh nghiệp không cần nộp kèm theo bản sao giấy tờ pháp lý của cá nhân</b> đối với người đứng đầu chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới. Điều này là <b>không đồng nhất với quy định cung cấp giấy tờ chứng minh thông tin cá nhân của Dự thảo Nghị định.</b></p> <p>Ngoài ra, địa điểm kinh doanh có thể hoạt động theo sự uỷ quyền của doanh nghiệp hoặc chi nhánh doanh nghiệp. Nội dung này được ghi nhận trên Giấy chứng nhận đăng ký lập địa điểm kinh doanh. <b>Tuy nhiên, Nghị định 01/2021/NĐ-CP và dự thảo Nghị định mới chưa có quy định điều chỉnh việc thay đổi đơn vị chủ quản (doanh nghiệp/chi nhánh doanh nghiệp) của địa điểm kinh doanh, dẫn tới trên thực tế, khi địa điểm kinh doanh chuyển từ hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp sang chi nhánh doanh nghiệp hoặc ngược lại, cơ quan Đăng ký Kinh doanh lúng túng và buộc phải hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện tách riêng 2 thủ tục: (i) chấm dứt địa điểm kinh doanh đang hoạt động hiện tại và (ii) thành lập địa điểm kinh doanh mới tại đúng địa điểm vừa chấm dứt hoạt động. Điều này không hợp lý, gây mất thời gian và lãng phí nguồn lực của doanh nghiệp.</b></p>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	<p>câu, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p>		<p>Đề nghị <b>bổ sung</b> vào Dự thảo Nghị định mới <b>quy định đối với trường hợp địa điểm kinh doanh chuyển từ hoạt động theo uỷ quyền của doanh nghiệp sang chi nhánh doanh nghiệp hoặc ngược lại</b> để doanh nghiệp và cơ quan Đăng ký Kinh doanh có cơ sở thực hiện thủ tục trên thực tế.</p>
7	<p><b>Điều 72. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b></p> <p>1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với Cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại</p>	<p><b>Điều 63. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</b></p> <p>1. Trước khi thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện phải đăng ký với Cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.</p> <p>2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>Hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa</p>	<p>Theo quy định tại Điều 72 Nghị định 01/2021/NĐ-CP, trên thực tế doanh nghiệp thực hiện việc chấm dứt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy trình sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bước 1: Làm việc với cơ quan thuế để hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và nhận xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế.</li> <li>- Bước 2: Nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến cơ quan Đăng ký Kinh doanh.</li> </ul> <p>Với trình tự như trên, quy định tại Điều 72 Nghị định 01/2021/NĐ-CP (được dự thảo Nghị định mới giữ nguyên) đang có một số bất cập sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu doanh nghiệp gửi hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh <b>trong thời hạn 10 ngày</b> kể từ ngày ban hành quyết định là không hợp lý vì doanh nghiệp có thể chưa hoàn thành bước xin xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ thuế tại cơ quan thuế (Doanh nghiệp phải nộp quyết định chấm dứt hoạt động đến cơ quan thuế để thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành</li> </ul>



STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	<p>diện, kèm theo thông báo phải có nghị quyết, quyết định và bản sao biên bản họp của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần; nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,</p>	<p>điểm kinh doanh bao gồm các giấy tờ sau đây:</p> <p>a) Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;</p> <p>b) Bản sao hoặc bản chính nghị quyết hoặc quyết định về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh; của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;</p> <p>c) Bản sao hoặc bản chính biên bản họp về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của Hội đồng thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty hợp danh, của Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần trong trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện.</p> <p>3. Sau khi tiếp nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông tin về</p>	<p>nghĩa vụ thuế).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh nghiệp đã nộp đến Cơ quan Đăng ký Kinh doanh xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế, do vậy, không cần thiết Cơ quan Đăng ký Kinh doanh phải tiếp tục gửi thông tin đến cơ quan thuế để xác nhận việc hoàn thành nghĩa vụ thuế theo quy định tại Khoản 3.</li> </ul> <p><b>Đề nghị xem xét lại thời hạn nộp hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và bỏ quy định tại khoản 3.</b></p> <p>Ngoài ra, dự thảo Nghị định mới bổ sung thêm khoản 5, <b>đề nghị xem lại nội dung tại Khoản 5 được áp dụng trong trường hợp nào vì hiện tại chưa rõ phạm vi áp dụng của Khoản 5 Điều 63 Dự thảo Nghị định.</b></p>

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
	<p>địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.</p>	<p>việc chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã chấm dứt hoạt động nếu không nhận được ý kiến phản đối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.</p> <p>4. Việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật nước đó. Trong thời hạn 30 ngày kể</p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
		<p>từ ngày chính thức chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, doanh nghiệp gửi thông báo bằng văn bản về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài đến Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.</p> <p><b>5. Kết thúc thời hạn 180 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của Cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác, Phòng Đăng ký kinh doanh</b></p>	

STT	Quy định hiện hành	Nội dung sửa đổi, bổ sung tại Dự thảo	Đề xuất, góp ý của NHQuang
		<p>thực hiện chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Thông tin về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang Hệ thống ứng dụng đăng ký thuế để cập nhật</p>	
8		<p>Đối với các giấy tờ kèm theo hồ sơ nộp đến cơ quan Đăng ký Kinh doanh, Nghị định 01/2021/NĐ-CP và dự thảo Nghị định mới đang sử dụng khái niệm “bản sao”.</p>	<p>Khái niệm “bản sao” được định nghĩa tại khoản 6 Điều 2 Nghị định 23/2015/NĐ-CP, theo đó: <b>“Bản sao” là bản chụp từ bản chính hoặc bản đánh máy có nội dung đầy đủ, chính xác như nội dung ghi trong sổ gốc</b>”. Tuy nhiên, trên thực tế, cơ quan Đăng ký Kinh doanh lại <b>yêu cầu doanh nghiệp nộp “bản chứng thực”</b>. Như vậy, quy định của Nghị định và thực tiễn thi hành đang không có sự thống nhất. Đề nghị <b>sửa khái niệm “bản sao” thành “văn bản chứng thực”</b> để phù hợp với Nghị định 23/2015/NĐ-CP và thực tiễn thi hành hoặc cho phép doanh nghiệp nộp “bản sao” theo đúng khái niệm tại Nghị định 23/2015/NĐ-CP.</p>